

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 28.4

NGHỊ ĐỊNH

Về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là biên chế sự nghiệp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau:

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, ngành, địa phương).

Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp

1. Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp.

2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Phù hợp với phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từ trung ương đến địa phương.

4. Bảo đảm tính thống nhất, liên thông từ trung ương đến cấp huyện; đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với quản lý và sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp.

5. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.

6. Kế thừa các vị trí việc làm có ngạch công chức chuyên ngành theo quy định của pháp luật; vị trí việc làm lãnh đạo quản lý; nghiệp vụ chuyên ngành; hỗ trợ, phục vụ đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực. Mỗi vị trí việc làm phải gắn với một chức danh, ngạch công chức, hạng viên chức và nội dung công việc vụ thể.

7. Không căn cứ vào biên chế hiện có của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng danh mục vị trí việc làm.

8. Gắn tình giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

1. Căn cứ xác định vị trí việc làm

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Căn cứ xác định biên chế công chức, biên chế sự nghiệp

a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm, trừ vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ;

b) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được giao;

d) Đối với cơ quan, tổ chức hành chính ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

a) Danh mục vị trí việc làm;

b) Mức độ phức tạp của công việc đối với từng vị trí việc làm;

c) Tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.

Chương II

VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 5. Phân loại vị trí việc làm

1. Phân loại theo khối lượng công việc

a) Vị trí việc làm do một người đảm nhiệm;

b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhiệm;

c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc

a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý;

b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành;

- c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung;
- d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

Điều 6. Cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

1. Cơ cấu ngạch công chức của mỗi cơ quan, tổ chức là tỷ lệ % (phần trăm) công chức giữ các ngạch phù hợp với vị trí việc làm và mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm.

2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập là tỷ lệ % (phần trăm) giữ các vị trí việc làm, trong đó biên chế sự nghiệp tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số biên chế sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, không bao gồm số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

Điều 7. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm để xây dựng Đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định Đề án vị trí việc làm, tổng hợp vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương, trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người đứng đầu bộ, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm để xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt Đề án vị trí việc làm. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã thành lập Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt sau khi trình Hội đồng quản lý thông qua.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)

a) Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm để xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để gửi cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản này;

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập và trình cấp có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này;

c) Người đứng đầu bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập ban hành danh mục vị trí việc làm của đơn vị theo quy định của [Luật Giáo dục đại học](#) và Nghị định này.

Điều 9. Hồ sơ trình, nội dung và thời hạn thẩm định đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

1. Hồ sơ trình thẩm định Đề án vị trí việc làm, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án vị trí việc làm;

b) Đề án vị trí việc làm;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Nội dung đề án vị trí việc làm

a) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;

b) Thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của từng công việc trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Xác định vị trí việc làm, gồm: Tên vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm;

d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

3. Nội dung thẩm định:

a) Hồ sơ trình phê duyệt Đề án vị trí việc làm;

b) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;

c) Vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 40 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt lần đầu), 25 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 Nghị định này thẩm định, trình người đứng đầu bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định có văn bản và nêu rõ lý do gửi cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung, hoàn thiện.

Điều 10. Điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

b) Cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự phê duyệt, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.

Chương III

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP

Mục 1

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 11. Trình tự phê duyệt biên chế công chức 5 năm

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này để xây dựng kế hoạch biên chế công chức 5 năm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các cơ quan, tổ chức hành

chính thuộc phạm vi quản lý của bộ ngành; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành trình người đứng đầu để gửi Bộ Nội vụ.

3. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của địa phương thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm của địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở địa phương cho ý kiến trước khi gửi Bộ Nội vụ.

3. Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của từng bộ, ngành và tổng hợp kế hoạch biên chế công chức 5 năm của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế. Căn cứ số biên chế công chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở Trung ương thông qua, Bộ Nội vụ trình Chính phủ giao biên chế công chức cho các bộ, ngành và trình Chính phủ có văn bản đề nghị địa phương quyết định cụ thể biên chế công chức của từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý.

4. Bộ, ngành, địa phương quyết định giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, địa phương trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

Điều 12. Nội dung kế hoạch biên chế công chức 5 năm

1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm.
2. Báo cáo đánh giá việc giao, quản lý và sử dụng biên chế công chức 5 năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch.
3. Kế hoạch biên chế công chức 5 năm và hàng năm của từng cơ quan, tổ chức; kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu biên chế công chức theo Phụ lục IA hoặc Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.
4. Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế công chức sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn công chức bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện.
5. Kiến nghị, đề xuất.

Điều 13. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm

1. Hồ sơ kế hoạch biên chế công chức 5 năm, gồm:
 - a) Văn bản đề nghị kế hoạch biên chế công chức 5 năm;
 - b) Kế hoạch biên chế công chức 05 năm của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt biên chế công chức 5 năm, hàng năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch.

2. Thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm

a) Trước ngày 01 tháng 4 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế công chức 5 năm, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ kế hoạch biên chế công chức quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Nội vụ;

b) Trước ngày 01 tháng 6 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế công chức 5 năm, Bộ Nội vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế quyết định tổng biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.

Điều 14. Điều chỉnh biên chế công chức

1. Việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức được xem xét trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh biên chế công chức

a) Hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh biên chế công chức; đề án điều chỉnh biên chế công chức; các tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế công chức kèm theo;

b) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ thẩm định, tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế;

c) Đối với việc điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành, địa phương với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để quyết định. Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.

Mục 2

BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP

Điều 15. Trình tự phê duyệt biên chế sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực để lập kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt, gửi cơ quan quản lý trực tiếp để quản lý. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã thành lập Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt sau khi trình Hội đồng quản lý thông qua.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức biên chế sự nghiệp để xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm của đơn vị mình phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b, điểm c khoản này. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch biên chế sự nghiệp gồm: Biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp;

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành thẩm định kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; tổng hợp kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành trình người đứng đầu bộ, ngành để gửi Bộ Nội vụ;

c) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của địa phương thẩm định kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tổng hợp kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương

trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở địa phương cho ý kiến trước khi gửi Bộ Nội vụ;

d) Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; tổng hợp biên chế sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế. Căn cứ số biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở Trung ương thông qua, Bộ Nội vụ trình Chính phủ giao biên chế sự nghiệp cho các bộ, ngành và trình Chính phủ có văn bản đề nghị địa phương quyết định cụ thể biên chế sự nghiệp của từng đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

đ) Người đứng đầu bộ, ngành quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm được Chính phủ giao; quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm sau khi có văn bản của Chính phủ; quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng biên chế sự nghiệp được Hội đồng nhân dân phê duyệt; quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 16. Nội dung kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm

1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm.
2. Báo cáo đánh giá việc giao, quản lý và sử dụng biên chế sự nghiệp 5 năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch.
3. Xác định biên chế sự nghiệp kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu biên chế sự nghiệp của 5 năm và hàng năm theo Phụ lục IC, Phụ lục ID, Phụ lục IIC và Phụ lục IID ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế sự nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn viên chức, hợp đồng lao động bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện.

5. Kiến nghị, đề xuất.

Điều 17. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm

1. Hồ sơ kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương gồm:

a) Văn bản đề nghị kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm;

b) Kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định biên chế sự nghiệp;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hoặc của bộ, ngành, địa phương 5 năm và hàng năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch;

d) Các văn bản liên quan (nếu có).

2. Thời gian gửi kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm

a) Trước ngày 01 tháng 4 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Nội vụ;

b) Trước ngày 01 tháng 6 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế về kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương.

Điều 18. Điều chỉnh biên chế sự nghiệp

1. Việc điều chỉnh biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thành lập, tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh biên chế sự nghiệp

a) Hồ sơ điều chỉnh biên chế sự nghiệp gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh biên chế sự nghiệp; đề án điều chỉnh biên chế sự nghiệp; các tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế sự nghiệp kèm theo;

b) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để thẩm định, tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế;

c) Đối với việc điều chuyển biên chế sự nghiệp giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành, địa phương với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này, các bộ, ngành địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để quyết định. Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP

Điều 19. Trách nhiệm, thẩm quyền của Chính phủ

1. Ban hành quy định về vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương.

2. Giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp đối với Bộ, ngành, địa phương sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở Trung ương thông qua.

Điều 20. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu bộ, ngành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

a) Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; hướng dẫn về vị trí việc làm viên chức lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự

ngành công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

b) Xây dựng vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để ban hành;

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh biên chế sự nghiệp; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh biên chế sự nghiệp gửi Bộ Nội vụ;

c) Quyết định giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao;

d) Quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm, điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao;

đ) Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý vị trí việc làm đối với cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

h) Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIA, Phụ lục IIIA, Phụ lục IIIC và Phụ lục IVC ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Quyết định biên chế công chức hàng năm trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Phê duyệt biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của Chính phủ.

3. Chỉ đạo cơ quan của Hội đồng nhân dân xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; xác định cơ cấu ngạch công chức; phê duyệt cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân.

Điều 22. Trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh số Biên chế sự nghiệp; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên

chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh biên chế sự nghiệp, gửi Bộ Nội vụ.

3. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức hàng năm trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao; phê duyệt số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao.

4. Giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân quyết định.

5. Giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm, điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân phê duyệt.

6. Quyết định giao, điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

8. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIB, Phụ lục IIIB, Phụ lục IIIC và Phụ lục IVC ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 23. Trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ quy định về vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương.

2. Hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương.

3. Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Thẩm định và tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế kế hoạch 5 năm biên chế công chức của các Bộ, ngành, địa phương, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài; điều chỉnh bổ sung biên chế công chức, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài của bộ, ngành và biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương theo quy định.

5. Thẩm định và tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế kế hoạch biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của từng bộ, ngành, địa phương.

6. Thẩm định và tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế điều chỉnh tăng biên chế công chức; điều chỉnh bổ sung biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương.

7. Báo cáo Chính phủ để giao biên chế công chức 5 năm đối với từng bộ, ngành và từng địa phương sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao.

8. Giao biên chế 5 năm của hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao.

9. Quyết định điều chỉnh bổ sung biên chế công chức, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài đối với từng bộ, ngành sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

10. Quyết định điều chuyển biên chế công chức làm việc ở nước ngoài giữa nước này sang nước khác theo đề nghị của bộ, ngành và ý kiến của Bộ Ngoại giao; điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành.

11. Báo cáo Chính phủ đề giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương sau khi được cấp có thẩm quyền giao.

12. Báo cáo Chính phủ đề giao điều chỉnh bổ sung biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên cho các bộ, ngành, địa phương sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

13. Tổng hợp, thống kê vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

14. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, ngành, địa phương.

15. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương

1. Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch biên chế công chức, điều chỉnh biên chế công chức; xác định cơ cấu ngạch công chức gửi cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương. Quản lý, sử dụng biên chế công chức được giao theo quy định của pháp luật.

2. Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

Điều 25. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch biên chế sự nghiệp, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;

b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định biên chế sự nghiệp của đơn vị, bảo đảm không được thấp hơn định mức biên chế sự nghiệp việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, bảo đảm phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Quản lý, sử dụng biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

c) Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế sự nghiệp của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

b) Chỉ đạo lập kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm, điều chỉnh biên chế sự nghiệp theo quy định tại Nghị định này, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định này để thẩm định. Quản lý, sử dụng biên chế sự nghiệp được giao theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế sự nghiệp của đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý trực tiếp để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Xử lý trách nhiệm

Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội đồng quản lý (đối với đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý) và Hội đồng trường (đối với cơ sở giáo dục đại học công lập) thực hiện không đúng quy định tại Nghị định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng vượt quá số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 27. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác

Các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, biên chế sự nghiệp của đơn vị.

Điều 28 Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20... Nghị định này thay thế Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 29. Quy định chuyển tiếp

1. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các bộ, ngành, địa phương được tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định về vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định này.

2. Vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo quy định tại Nghị định này.

3. Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức biên chế sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý thực hiện về vị trí việc làm và biên chế công chức; hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện về vị trí việc làm và biên chế sự nghiệp.

2. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng áp dụng quy định tại Nghị định này hướng dẫn về vị trí việc làm và biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù của lực lượng vũ trang.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

